

XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ BÁO VÀ MINH CHỨNG THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON LÀM CƠ SỞ CHO VIỆC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN GIÁO VIÊN MẦM NON

○ ThS. CÙ THỊ THUYẾT*

Dội ngũ giáo viên (GV) là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục (GD), điều này đã được khẳng định theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX BCH TW Đảng: *Giáo dục mầm non (GDMN) là giai đoạn đầu của quá trình GD, giáo viên mầm non (GVMN) có vị trí quan trọng trong việc đặt nền móng nhân cách của con người, làm tiền đề cho sự phát triển lâu dài sau này.*

1. Chuẩn nghề nghiệp GVMN đã được ban hành theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT, thể hiện sự quan tâm của Bộ tới bậc học MN. Tuy nhiên, việc vận dụng chuẩn nghề nghiệp vào thực tiễn còn rất nhiều khó khăn và bất cập cần phải giải quyết: từ việc GV hiểu sâu sắc ý nghĩa và nội dung của Chuẩn đến việc dùng chuẩn để đánh giá; dựa trên các chỉ báo hay biểu hiện như thế nào để GV có thể tự đánh giá bản thân; dựa trên những minh chứng hay tài liệu nào để có thể thấy được giáo viên làm được tốt, còn những điểm cần khắc phục....

Năm học 2009-2010, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài: *«Xác định các chỉ báo và minh chứng theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN; hướng dẫn thực hiện chuẩn vào thực tiễn GDMN»* ở 6 tỉnh/TP là Hà Nội, Lâm Đồng, Nam Định, Hòa Bình, Cần Thơ, Thái Nguyên. Trong đó, chúng tôi xây dựng hệ thống các chỉ báo và mức độ của các chỉ báo; minh chứng nhằm hướng dẫn thực hiện chuẩn vào đánh giá GV, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục (CS-GD) trẻ, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

Các chỉ báo được xây dựng theo từng tiêu chí cụ thể (mỗi tiêu chí chúng tôi đặt ra 4 mức (kí hiệu là M): M1, M2, M3, M4... theo trình tự từ thấp đến cao) của các yêu cầu theo từng lĩnh vực (phẩm chất và năng lực) của Chuẩn NN GVMN (1).

Dưới đây xin trích dẫn một ví dụ cụ thể về nội dung hệ thống chỉ báo và mức độ của các chỉ báo (dựa trên một số tiêu chí) đối với Lĩnh vực kĩ năng (xem bảng).

2. Kết quả khảo nghiệm CBQL và GVMN về tính phù hợp và tính khả thi của hệ thống các chỉ báo, mức độ của các chỉ báo và minh chứng theo các tiêu chí của Chuẩn NN GVMN

Kết quả khảo sát, trung cầu ý kiến trên 214 cán bộ quản lí (CBQL) ngành MN và 191 GVMN thuộc 6 tỉnh/TP cho thấy: phần lớn CBQL và GVMN đều cho rằng các chỉ báo, tiêu chí, yêu cầu và các lĩnh vực trong Chuẩn NN GVMN có tính phù hợp (chiếm >90%) và có tính khả thi (>90%).

Ở lĩnh vực 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống. Đa số CBQL và GVMN đều cho rằng mức 4 của các tiêu chí là khá cao, khó đạt được, ý kiến của GV về tính phù hợp và tính khả thi ở mức độ này chiếm tỉ lệ thấp hơn so với các mức độ 1, 2 và 3 của các tiêu chí.

Ở lĩnh vực 2: Kiến thức sống. Đa số CBQL và GVMN đánh giá cao nội dung các kiến thức cần phải đạt được ở người GV. Trên 90% CBQL và GVMN đều cho rằng các tiêu chí và các yêu cầu có tính phù hợp và tính khả thi. Tuy nhiên, một số GV đều cho rằng mức 4 là khá cao, khó đạt được ở một số tiêu chí như: «Hiểu biết cơ bản về đặc điểm sinh lí, tâm lí của trẻ lứa tuổi MN»; «Hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và GD của địa phương nơi GV công tác»; «Có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi GV công tác»

Ở lĩnh vực 3: Kĩ năng. Trên 90% CBQL và GVMN cho rằng các tiêu chí và các yêu cầu ở lĩnh vực kĩ năng có tính phù hợp và khả thi.

3. Hệ thống các chỉ báo và mức độ của các chỉ báo (theo hệ thống các tiêu chí và yêu cầu trong từng tiêu chí) và hướng dẫn thực hiện chuẩn nghề nghiệp GVMN được xây dựng phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Các chỉ báo này được các chuyên gia trong ngành góp ý và chỉnh sửa trước khi khảo nghiệm. Kết quả khảo nghiệm

* Bộ Giáo dục - Đào tạo



| STT | NỘI DUNG |
|-------------------|--|
| Yêu cầu 1 | Lập kế hoạch CS-GD trẻ |
| Tiêu chí 1 | Lập kế hoạch CS-GD trẻ theo năm học thể hiện mục tiêu và nội dung CS-GD trẻ của lớp mình phụ trách |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày cách lập kế hoạch theo năm học (thể hiện mục tiêu và nội dung CS-GD) của chương trình GDMN quy định</p> <p>M2. Lập được kế hoạch theo năm học phù hợp với đặc điểm của trẻ theo độ tuổi, đặc thù vùng miền</p> <p>M3. Lập được kế hoạch theo năm học phù hợp với trẻ và xuất phát từ trẻ của lớp mình (đặc điểm phát triển, nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ)</p> <p>M4. Lập được kế hoạch theo năm học phù hợp với trẻ và xuất phát từ trẻ của lớp mình (đặc điểm phát triển, nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ) với những cách thức thực hiện chính</p> |
| Tiêu chí 2 | Lập kế hoạch CS-GD trẻ theo tháng và tuần |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày cách lập kế hoạch tháng, tuần thể hiện mục tiêu và nội dung CS-GD của chương trình GDMN quy định</p> <p>M2. Lập được kế hoạch theo tháng, tuần phù hợp với đặc điểm của trẻ theo độ tuổi, đặc thù vùng miền</p> <p>M3. Lập được kế hoạch tháng, tuần phù hợp với trẻ và xuất phát từ trẻ của lớp mình (đặc điểm phát triển, nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ)</p> <p>M4. Lập được kế hoạch tháng, tuần phù hợp với trẻ và xuất phát từ trẻ của lớp mình (đặc điểm phát triển, nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ) với những cách thức thực hiện chính</p> |
| Tiêu chí 3 | Lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp và phát huy tính tích cực của trẻ |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày cách lập kế hoạch hoạt động một ngày chương trình, tài liệu hướng dẫn</p> <p>M2. Lập được kế hoạch theo hướng tích hợp chủ đề</p> <p>M3. Lập được kế hoạch theo hướng tích hợp chủ đề có vận dụng các phương pháp tính tích cực nhận thức của trẻ</p> <p>M4. Lập được kế hoạch theo hướng tích hợp chủ đề có vận dụng các phương pháp tính tích cực nhận thức dựa trên cơ sở đánh giá trẻ thường xuyên</p> |
| Tiêu chí 4 | Lập kế hoạch phối kết hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu CS-GD trẻ |
| Chỉ báo | <p>M1. Miêu tả được mục tiêu và nội dung phối kết hợp với cha mẹ của trẻ trong kế hoạch năm, tháng, tuần</p> <p>M2. Xây dựng kế hoạch phối kết hợp với cha mẹ trên cơ sở định hướng mục tiêu và nội dung trong công tác CS-GD trẻ</p> <p>M3. Xây dựng kế hoạch phối kết hợp với cha mẹ trên cơ sở định hướng mục tiêu và nội dung có nêu biện pháp cụ thể</p> <p>M4. Xây dựng kế hoạch phối kết hợp với cha mẹ trên cơ sở định hướng mục tiêu và nội dung có nêu biện pháp cụ thể và đánh giá kết quả hoạt động thường xuyên.</p> |
| Yêu cầu 2 | Kĩ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ lứa tuổi MN |
| Tiêu chí 1 | Biết tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ |
| Chỉ báo | <p>M1. Mô tả cách xây dựng môi trường nhóm/lớp sạch sẽ, đảm bảo VS, ngăn nắp, gọn gàng và an toàn cho trẻ (sắp xếp đồ dùng ngăn nắp, tránh đồ vỡ, rơi gây nguy hiểm với trẻ)</p> <p>M2. Xây dựng và tổ chức thường xuyên môi trường lớp học/nhóm sạch sẽ, gọn gàng ngăn nắp, đảm bảo VS và an toàn cho trẻ.</p> <p>M3. Xây dựng và tổ chức thường xuyên môi trường lớp học/nhóm sạch sẽ, gọn gàng ngăn nắp, đảm bảo VS và an toàn, đặc biệt là tạo được tâm lý thoải mái, tin tưởng và vui vẻ ở trẻ (trẻ thích đến lớp)</p> <p>M4. Xây dựng môi trường lớp học/nhóm sạch sẽ, tạo được tâm lý thoải mái và hứng thú tham gia hoạt động sáng tạo ở trẻ (đảm bảo VS và an toàn, thuận tiện cho trẻ và GV tham gia hoạt động CS-GD trẻ, có các góc hoạt động có hứng thú, sáng tạo cho trẻ và GV)</p> |
| Tiêu chí 2 | Tổ chức giấc ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày hoạt động chăm sóc ăn, ngủ, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ tốt (làm như thế nào là tốt)</p> <p>M2. Thực hiện tốt và thường xuyên hoạt động chăm sóc ăn, ngủ, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho tất cả các trẻ trong lớp</p> <p>M3. Thực hiện tốt và thường xuyên các hoạt động chăm sóc ăn, ngủ, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho tất cả các trẻ trong lớp, trong đó, quan tâm đến những trường hợp cá biệt (trẻ mới đi học, trẻ mới ốm dậy, trẻ cần chăm sóc đặc biệt hơn, trẻ yếu...)</p> <p>M4. Thực hiện tốt và thường xuyên hoạt động chăm sóc ăn, ngủ, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho tất cả các trẻ trong lớp, trong đó quan tâm đến những trường hợp cá biệt (trẻ mới đi học, trẻ mới ốm dậy, trẻ cần chăm sóc đặc biệt hơn, trẻ yếu...) và GD cho trẻ tự phục vụ phù hợp với từng độ tuổi</p> |
| Tiêu chí 3 | Biết hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kĩ năng tự phục vụ |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày được những hiểu biết về kĩ năng tự phục vụ và rèn luyện chúng đối với trẻ MN</p> <p>M2. Thực hiện đầy đủ việc hướng dẫn trẻ thực hiện một số kĩ năng tự phục vụ.</p> <p>M3. Vận dụng các phương pháp khác nhau để rèn luyện các kĩ năng tự phục vụ của trẻ ở mọi lúc, mọi nơi.</p> <p>M4. Thực hiện việc rèn luyện thường xuyên có kết hợp với GD nhận thức, ý thức tự giác ở trẻ về các kĩ năng tự phục vụ.</p> |
| Tiêu chí 4 | Biết phòng tránh và xử lí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ |
| Chỉ báo | <p>M1. Trình bày được một số bệnh và các tai nạn thường gặp đối với trẻ nhỏ và cách xử trí</p> <p>M2. Vận dụng được những hiểu biết về một số bệnh và các tai nạn thường gặp đối với trẻ nhỏ và cách xử trí trong thực tiễn (những nơi nguy hiểm, không an toàn; những tai nạn dễ xảy ra đối với trẻ nhỏ; những dấu hiệu một số bệnh thường gặp).</p> <p>M3. Xử trí nhanh và chính xác những tình huống xảy ra từ những phát hiện dấu hiệu của một số bệnh hay tai nạn thường gặp.</p> <p>M4. Xử trí nhanh, linh hoạt, bình tĩnh và đúng với một số bệnh hay tai nạn thường gặp đối với trẻ</p> |

| | |
|-------------------|---|
| Yêu cầu 3 | Kĩ năng tổ chức các hoạt động GD trẻ |
| Tiêu chí 1 | Tổ chức các hoạt động GD trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực sáng tạo của trẻ |
| Chỉ báo | M1. Tổ chức thực hiện đầy đủ các hoạt động GD hằng ngày (học tập, vui chơi, lao động, lễ hội...) như tài liệu hướng dẫn |
| | M2. Tổ chức thực hiện các hoạt động GD khuyến khích sự phát triển các mặt ở trẻ và dựa trên nhu cầu, hứng thú và vốn kinh nghiệm của trẻ, trong đó chú ý đến những trường hợp cá biệt, có khó khăn trong học tập. |
| | M3. Tổ chức thực hiện các hoạt động GD khuyến khích sự phát triển các mặt ở trẻ và liên hệ thực tế gần gũi xung quanh |
| | M4. Tổ chức các hoạt động GD có sự điều chỉnh nhằm phát huy tối đa tính tích cực nhận thức, sáng tạo và hợp tác của tất cả các trẻ trong lớp |
| Tiêu chí 2 | Biết tổ chức môi trường GD phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp |
| Chỉ báo | M1. Phân chia nhóm/lớp học thành những góc chơi, góc hoạt động phù hợp với lứa tuổi của trẻ, điều kiện CSVC của trường |
| | M2. Phân chia các góc chơi và trang trí lớp học đẹp, thuận tiện với việc sử dụng, tạo được sự hứng thú của trẻ hoạt động |
| | M3. Tổ chức môi trường GD của lớp học gợi mở, khuyến khích sự tham gia hoạt động của trẻ |
| | M4. Thay đổi, điều chỉnh môi trường GD của lớp nhằm khuyến khích sự tham gia của trẻ, tạo sự hấp dẫn và thuận tiện, thoải mái khi hoạt động ở các góc đó. |
| Tiêu chí 3 | Biết sử dụng có hiệu quả đồ dùng, đồ chơi (ĐDDC) (kể cả ĐDDC tự làm), các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động GD trẻ |
| Chỉ báo | M1. Trình bày việc sử dụng và sắp xếp các ĐDDC trong các góc chơi cho trẻ |
| | M2. Sử dụng và sắp xếp hợp lí các ĐDDC cho trẻ chơi trong các góc chơi, khuyến khích được sự hứng thú chơi của trẻ |
| | M3. Sử dụng hợp lí các ĐDDC và khai thác các nguyên vật liệu địa phương cho trẻ chơi trong các góc chơi (nguyên vật liệu địa phương và dễ kiếm, gắn gũi ở địa phương) |
| | M4. Sử dụng hợp lí các ĐDDC và tạo cơ hội cho trẻ sáng tạo/làm các sản phẩm, sử dụng chúng vào các hoạt động GD khác |
| Tiêu chí 4 | Biết quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp CS -GD trẻ phù hợp |
| Chỉ báo | M1. Nêu ra những nội dung và cách thức quan sát, theo dõi và đánh giá sự phát triển của trẻ |
| | M2. Thực hiện quan sát và ghi chép, đánh giá sự tiến triển của trẻ trong hoạt động học tập, và vui chơi, sinh hoạt hằng ngày |
| | M3. Vận dụng kết quả quan sát và đánh giá sự tiến triển của trẻ vào tổ chức các hoạt động GD phù hợp với đặc điểm của trẻ |
| | M4. Có những đổi mới trong việc quan sát, đánh giá thường xuyên sự phát triển của trẻ để điều chỉnh nội dung, phương pháp và tổ chức các hoạt động GD có hiệu quả với trẻ |

khẳng định thêm về khả năng tự đánh giá của GVMN khi sử dụng Chuẩn NN, cũng như tính phù hợp và tính khả thi của Chuẩn NN, ngoài ra, nó còn giúp cho nhóm đề tài có căn cứ để chỉnh sửa hệ thống các chỉ báo, mức độ của các chỉ báo và minh chứng theo Chuẩn NN GVMN.

Tuy nhiên, vấn đề nghiên cứu về chỉ báo, mức độ của các chỉ báo và minh chứng theo Chuẩn NN GVMN còn đang mới mẻ. Việc thực hiện khảo nghiệm trong thời gian ngắn, nên cần được chỉnh sửa tiếp và sử dụng thử nghiệm trong thực tế để có thể hoàn thiện hơn. □

(1) Cù Thị Thủy. “Xác định các chỉ báo và minh chứng theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; hướng dẫn thực hiện chuẩn vào thực tiễn giáo dục mầm non”. Đề tài cấp Bộ, Mã số: B 2009 - 17 - 06 NV. 2010.

Tài liệu tham khảo

- Hồ Lam Hồng. “Chuẩn nghề nghiệp và quy trình xây dựng chuẩn” *Tạp chí Giáo dục*, số 184, quý I/ 2008.
- Vụ Giáo dục mầm non. Tài liệu tập huấn về chuẩn phát triển của trẻ mẫu giáo 5 tuổi, 2006.
- Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông công lập. Hà Nội ngày 21/3/2006.
- Quyết định ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học, Hà Nội ngày 4/5/2007.
- Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 22/1/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

7. Quyết định 06/2006/QĐ-BNV ngày 21/3/2006 về việc ban hành qui chế đánh giá xếp loại giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông công lập của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

SUMMARY

The contents of the article refers to a system of indicators and the level of the indicator system according to the criteria and requirements in each of the criteria and guiding the professional standards of preschool teachers is to build appropriate with the requirements of practice. These indicators are experts in the comments and revised before being put away for testing. Test results confirmed the possibility of self-assessment of preschool teachers in using the Standard Occupational preschool teacher, as well as the appropriateness and feasibility of the standards contribute to improving the quality of teachers early childhood care and education, meeting the requirements of innovative early childhood education.